TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH** *********	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ- ST
Ngày 20 tháng 03 năm 2023
V/v "Ly hôn và giao con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà*: ông Đỗ Thế Bình.

+ *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Đào Đức Phú, bà Hoàng Thảo Yến.

+ *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Vân Thanh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà*: Bà Hồ Thị Lê- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20/03/2023 tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà sơ thẩm xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 87/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc "*Ly hôn và giao con chung khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐST- HNGĐ ngày 14/02/2023 giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Trần Thị V - Sinh năm 1983.

Trú tại: khu Đ1, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

+ Bị đơn: Anh Lê Huy T- Sinh năm 1976.

HKTT: Khu Đ2, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (được niêm yết, triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, ý kiến trình bày của chị Trần Thị V và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Sau thời gian đi lại tìm hiểu, ngày 22/10/2005 chị và anh Lê Huy T tiến tới hôn nhân, quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T xuất phát trên nguyên tắc tự do, tự nguyện được UBND xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (nay là phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh) làm thủ tục kết hôn và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại: Khu Đ2, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, những năm đầu chung sống, đời sống tình cảm vợ

chồng không có mâu thuẫn gì. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu nảy sinh từ năm 2018, nguyên nhân do không có sự cảm thông, chia sẻ, không có sự thấu hiểu, anh T thường hay ghen tuông, đánh chửi, hành hạ chị cả về thể xác và tinh thần. Không chịu được cách ứng xử của anh T, tháng 5/2021 chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở khu Đa Cấu, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh sống, chị và anh T ly thân từ đó. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống chung không thể duy trì, chị V đề nghị tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Huy T.

Về con chung: Chị và anh T có với nhau 02 con chung là cháu Lê Huy H, sinh ngày 30/8/2010 và cháu Lê Huy T, sinh ngày 29/12/2021, sau khi vợ chồng ly thân cháu H sống cùng anh T tại khu Đ2, phường N còn cháu T sống cùng chị tại khu Đ1, phường N. Nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị V muốn nuôi cả 02 con chung và yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi con theo qui định. Trường hợp anh T không đồng ý giao cho chị nuôi cả 02 con chung thì chị đề nghị tòa án giao cho mỗi người nuôi 01 con chung, cụ thể giao cháu Hoàng cho anh T nuôi, giao cháu Tâm cho chị nuôi; Về đóng góp phí tổn nuôi con: Chị V không yêu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, trích chia công sức đóng góp chị V cho biết: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có đầu tư xây dựng được 02 ngôi nhà trên thửa đất đứng tên anh T (nguồn gốc đất anh T được gia đình tặng cho), tài sản chung chị và anh T tự thỏa thuận không đề nghị tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai tiền bạc hay có nghĩa vụ dân sự với ai.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án nhiều lần triệu tập anh Lê Huy T đến làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, song anh T từ chối nhận văn bản tố tụng và không đến tòa án làm việc, do vậy căn cứ qui định của BLTTDS tòa án tiến hành niêm yết văn bản tố tụng đối với anh T theo qui định của pháp luật.

Để làm rõ tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị V, tòa án đã làm việc với ông Nguyễn Văn V- Trưởng khu Đ2, phường N, thành phố B, ông Việt cho biết: Tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị V như chị V trình bày là đúng sự thật.

Làm việc với cháu Lê Huy H, sinh ngày 30/8/2010 là con chung của anh T và chị V, cháu H cho biết: Trong thời gian bố mẹ cùng chung sống, bố mẹ cháu thường hay xảy ra to tiếng, xô sát, nếu bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn ở với bố.

Tại phiên tòa chị Trần Thị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Huy T và giao con chung cho mỗi người nuôi 01 con chung, cụ thể: Giao cháu Lê Huy H, sinh ngày 30/8/2010 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Lê Huy T, sinh ngày 29/12/2021 cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu xem xét giải quyết; Ngoài 02 yêu cầu như đã nêu chị V không còn bất cứ yêu cầu hay đề nghị nào khác.

Tại phiên tòa anh Lê Huy T đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 theo qui định của pháp luật, song vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng hay vì sự kiện bất khả kháng.

Cũng tại phiên tòa sau khi đánh giá việc chấp hành và thực hiện pháp của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa là nghiêm túc; Việc chấp hành và thực hiện pháp luật của nguyên đơn là chị V tuân thủ, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng, Việc chấp hành và thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là anh T là chưa tuân thủ đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung, đại diện Viện kiểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị V, xử cho chị Trần Thị V ly hôn với anh Lê Huy T.

- Về giao con chung khi ly hôn: Giao cháu Lê Huy H, sinh ngày 30/8/2010 cho anh Lê Huy T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Lê Huy T, sinh ngày 29/12/2021 cho chị Trần Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con sau ly hôn không ai được cản trở.

- Về đóng góp phí tổn nuôi con: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết

- Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết hợp với kết quả thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1, Về tố tụng: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị V thấy, chị V yêu cầu tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Huy T và giao con chưa thành niên là cháu Lê Huy H và cháu Lê Huy T cho mỗi người nuôi 01 con chung, cụ thể chị V nuôi cháu T, anh T nuôi cháu H. Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định: Quan hệ tranh chấp giữa chị V và anh T là "*Tranh chấp ly hôn và giao con chung khi ly hôn*". Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Quá trình tố tụng anh Lê Huy T đã được tòa án nhiều lần niêm yết, triệu tập đến làm việc song không đến làm việc; Tại phiên tòa án T đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng hay vì sự kiện bất khả kháng, căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

2. *Về nội dung*: Chị Trần Thị V và anh Lê Huy T kết hôn ngày 22/10/2005 trên tinh thần tự do, tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn, được UBND xã N,

thành phố B, tỉnh Bắc Ninh này là phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (nơi anh T và chị V cư trú và đăng ký hộ khẩu thường trú) làm thủ tục kết hôn và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nên quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng thấy: Sau khi kết hôn chị V và anh T sống cùng gia đình anh T tại: Khu Đ2, phường N, thành phố B. Quá trình chung sống, nhất là 5 năm trở lại đây, đời sống tình cảm vợ chồng giữa chị V, anh T không hạnh phúc, thường xảy ra to tiếng đánh cãi chửi nhau, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 5/2021 đến nay. Xét tình cảm giữa chị V và anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài, cần chấp nhận yêu cầu của chị V, xử cho chị V được ly hôn với anh T.

+ Về con chung và giao con chung khi ly hôn: Chị V và anh T có 02 con chung là cháu Lê Huy H, sinh ngày 30/8/2010 và cháu Lê Huy T, sinh ngày 29/12/2021, sau khi vợ chồng ly thân cháu H sống cùng anh T, cháu T sống cùng chị V. Xét yêu cầu giao con chung của chị V thấy, việc chị V đề nghị giao cho mỗi người nuôi 01 con chung khi vợ chồng ly hôn, cụ thể chị V nuôi cháu T, anh T nuôi cháu H là phù hợp với nguyện vọng của các con đồng thời cũng đảm bảo sự phát triển của các con chung nên cần chấp nhận việc giao con chung sau ly hôn như đề nghị của chị V.

Về đóng góp phí tổn nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giả quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ và trích chia công sức: Các bên đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

3. *Về án phí*: Chị Trần Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 146, 147, 228, 235, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị V.

* *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Trần Thị V ly hôn với anh Lê Huy T.

** Về con chung và giao con chung khi ly hôn:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Huy H, sinh ngày 30/8/2010 và cháu Lê Huy T, sinh ngày 29/12/2021. Khi ly hôn giao cháu Lê Huy H cho anh Lê Huy T chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Lê Huy T cho chị Trần Thị V chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

** Về đóng góp phí tổn nuôi con:* Các đương sự không yêu cầu không giải quyết.

** Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức*: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

2. *Về án phí*: Chị Trần Thị V phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm. Xác nhận chị V đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm theo Biên lai thu số AA/2021/0001561 ngày 24/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị V có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Lê Huy T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thế Bình

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BN;
- VKSND tỉnh BN;
- VKSNDTP BN;
- Chi cục THADSTPBN;
- Các đương sự;
- UBND p Nam Sơn, TPBN;
- Lưu HS, VP